

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN TRONG HOẠT ĐỘNG BÀO CHỮA, BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ

TS. Nguyễn Văn Tuấn,

Nguyên Tổng biên tập Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Bộ Tư pháp

TÓM TẮT

Một trong các hình thức nhân dân tham gia vào hoạt động tư pháp được thể hiện bằng việc tham gia hoạt động bào chữa, bảo vệ thông qua chế định bào chữa viên nhân dân. Chế định bào chữa viên nhân dân mặc dù đã được pháp luật quy định, tuy nhiên trong thực tế áp dụng vẫn còn những bất cập nhất định. Bài viết phân tích thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về bào chữa viên nhân dân.

Từ khóa: Nhân dân; Bào chữa; Bào chữa viên nhân dân.

ABSTRACT

One of the forms of people's participation in judicial activities is demonstrated by participating in advocacy and defense activities through the institution of people's advocates. Although the institution of people's advocates has been prescribed by law, in practice, there are still certain shortcomings. The article analyzes the current state of legal regulations and proposes solutions to improve the law on people's advocates.

Keywords: People; Advocacy; People's advocate.

1. Đặt vấn đề

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, nhân dân là người làm chủ đất nước, được tham gia vào quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân” (Điều 3) và “Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện” (Điều 6).

Sự tham gia của nhân dân trong hoạt động tư pháp thể hiện được tính dân chủ của hoạt động tư pháp. Trong các văn bản pháp luật hiện hành có quy định về khả năng để mọi công dân tham vào hoạt động tư pháp và giám sát hoạt

động của các cơ quan tư pháp. Việc nhân dân tham gia vào hoạt động tư pháp được thể hiện bằng việc tham gia hoạt động xét xử của hội thẩm và hoạt động bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Chế định bào chữa viên nhân dân mặc dù đã được pháp luật quy định, tuy nhiên trong thực tế áp dụng vẫn còn những bất cập nhất định. Đây là một trong những chế định thể hiện rõ nét nhất quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động tư pháp.

2. Thực trạng chế định bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy

định: "Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện".

Sự tham gia của các tổ chức xã hội và người dân trong tố tụng thể hiện tính dân chủ trong hoạt động tư pháp. Sự tham gia của các tổ chức xã hội và người dân trong tố tụng không chỉ tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan tiến hành tố tụng với người dân mà còn nâng cao hiệu quả của hoạt động tư pháp. Sự tham gia đó cho phép giám sát một cách trực tiếp của các tổ chức xã hội và người dân đối với hoạt động tư pháp, tăng cường việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người tham gia tố tụng là người bị buộc tội, đương sự. Ngoài việc tham gia hoạt động xét xử, người dân còn tham gia hoạt động bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Điều 103 Hiến pháp năm 2013 quy định: "*Quyền bào chữa của bị can, bị cáo, quyền bảo vệ lợi ích hợp pháp của đương sự được bảo đảm*". Nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự được quy định tại Điều 16 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 như sau: "*Người bị buộc tội có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố*

tụng có trách nhiệm thông báo, giải thích và bảo đảm cho người bị buộc tội, bị hại, đương sự thực hiện đầy đủ quyền bào chữa, quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định của Bộ luật này". Theo quy định của Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người bào chữa có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện của người bị buộc tội;
- c) Bào chữa viên nhân dân;
- d) Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

Theo quy định của Điều 84 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện;
- c) Bào chữa viên nhân dân;
- d) Trợ giúp viên pháp lý.

Nguyên tắc việc tham gia tố tụng dân sự của cơ quan, tổ chức, cá nhân tố tụng được quy định tại Điều 23 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như sau:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng dân sự theo quy định của Bộ luật này, góp phần vào việc giải quyết vụ việc dân sự tại Tòa án kịp thời, đúng pháp luật.

Theo quy định của Điều 75 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự bao gồm:

- a) Luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư;

b) Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;

c) Đại diện của tổ chức, đại diện tập thể lao động là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong vụ việc lao động theo quy định của pháp luật về lao động, công đoàn;

d) Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích hoặc đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát và công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an.

Nguyên tắc bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được quy định tại Điều 19 **Luật Tổ tụng hành chính** năm 2015 như sau:

Đương sự có quyền tự bảo vệ hoặc nhờ luật sư hoặc người khác có đủ điều kiện theo quy định của Luật này bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự thực hiện quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Theo quy định Điều 61 Luật **Tổ tụng hành chính** năm 2015, **người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp** của đương sự bao gồm:

a) Luật sư tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật về luật sư;

b) Trợ giúp viên pháp lý hoặc người tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý;

c) Công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có kiến thức pháp lý, chưa bị kết án hoặc bị kết án nhưng đã được xóa án tích, không thuộc trường hợp đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính, không phải là cán bộ, công chức trong các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thanh tra, Thi hành án; công chức, sĩ quan, hạ sĩ quan trong ngành Công an.

Pháp luật tổ tụng quy định nhiều hình thức để tổ chức xã hội và người dân tham gia vào hoạt động tư pháp. Một trong những hình thức thể hiện sự tham gia của tổ chức xã hội và người dân là sự tham gia của bào chữa viên nhân dân. Như vậy, theo quy định của pháp luật tố tụng hiện hành thì sự tham gia tố tụng của bào chữa viên nhân dân thể hiện rõ nét nhất sự tham gia của nhân dân trong hoạt động bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Quyền bào chữa của bị cáo đã được ghi nhận ngay từ Sắc lệnh đầu tiên về Tòa án. Điều 5 Sắc lệnh ngày 13/9/1945 thiết lập các Tòa án quân sự quy định: *“Bị cáo có thể tự bào chữa hay nhờ một người khác bênh vực cho mình”*. Bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo là nguyên tắc dân chủ quan trọng trong tố tụng đã được thừa nhận và thể hiện trong Điều 67 Hiến pháp năm 1946 - Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa như sau: *“Người bị cáo được quyền tự bào chữa lấy hoặc mượn luật sư”*.

Do thời điểm lúc ấy số lượng luật sư ở nước ta rất ít, mặt khác do hoàn

cánh kháng chiến một số luật sư đã tham gia cách mạng, còn một số luật sư thì chuyển sang hoạt động ở lĩnh vực khác. Vì vậy, vào thời kỳ này hầu như các Văn phòng luật sư đều ngừng hoạt động. Để bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, trong khi số lượng luật sư còn ít, Sắc lệnh số 69/SL ngày 18/6/1949 (do Sắc lệnh số 144/SL ngày 22/12/1949 sửa đổi) đã được ban hành, cho phép nguyên cáo, bị cáo và bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bênh vực cho mình. Công dân đó phải được ông Chánh án thừa nhận. Người đứng ra bênh vực không được nhận tiền thù lao của bị can hoặc nhân thân bị can.

Để cụ thể hóa Sắc lệnh 69/SL ngày 18/6/1949, Bộ Tư pháp đã ban hành Nghị định số 1/NĐ - VY ngày 12/1/1950 ấn định điều kiện để làm bào chữa viên và phụ cấp của bào chữa viên. Có thể nói đây là văn bản pháp luật đầu tiên quy định về chế định bào chữa viên và sau này là bào chữa viên nhân dân. Theo Nghị định số 01/NĐ-VY ngày 12/1/1950, công dân cử ra hay thừa nhận để bào chữa trước các Tòa án phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có quốc tịch Việt nam, không phân biệt đàn ông hay đàn bà;
- Ít nhất 21 tuổi;
- Hạnh kiểm tốt và chưa can án.

Đầu năm, Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh hay thành phố và ông Chánh án lập ra một danh sách các người trong tỉnh có đủ điều kiện và bằng lòng đứng ra bào chữa trong các phiên toà và ông Chánh án lúc nào cũng

có quyền thêm hoặc bớt tên ghi trong danh sách. Danh sách này phải được niêm yết tại phòng lục sự tại Tòa án sở quan. Người nào được ông Chánh án cử ra bào chữa sẽ hưởng các phụ cấp nói ở Điều 1 và 2 Nghị định số 94-MT ngày 9/10/1948 của Bộ Tư pháp. Tiếp đến Bộ Tư pháp có Thông tư số 101/HCTP ngày 29/8/1957 quy định cụ thể về việc tổ chức bào chữa viên nhân dân. Trong Thông tư 101/HCTP nêu rõ: “Trong lúc chưa có sự sửa đổi gì về chế định bào chữa nhân dân của ta, thì vẫn phải thi hành các Sắc lệnh 69/SL ngày 18/6/1949 và Nghị định số 01/NĐ-VY ngày 12/1/1950 về tổ chức bào chữa viên nhân dân”.

Hiến pháp năm 1959 đã thiết lập hệ thống Tòa án và Viện kiểm sát và Bộ Tư pháp không còn tồn tại, công tác hành chính tư pháp được giao cho Tòa án tối cao đảm nhiệm, trong đó có công tác bào chữa. Để bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo đã được Hiến pháp năm 1959 quy định (Điều 101), năm 1963 Văn phòng luật sư thí điểm được thành lập tại Hà Nội lấy tên Văn phòng luật sư Hà Nội. Năm 1972 thành lập Ủy ban pháp chế của Hội đồng Chính phủ. Năm 1974 Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao Văn phòng luật sư sang Ủy ban pháp chế của Hội đồng Chính phủ theo chức năng quy định tại Nghị định 190/CP ngày 09/12/1972.

Sau khi có Nghị quyết của Quốc hội về việc thành lập lại Bộ Tư pháp, ngày 22/11/1981 Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 143-HĐBT quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

của Bộ Tư pháp, trong đó có nhiệm vụ quản lý công tác bào chữa. Sau khi trao đổi với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và một số cơ quan hữu quan khác, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 691/QLTPK ngày 31/10/1983 hướng dẫn về công tác bào chữa, trong đó có hướng dẫn về thành lập Đoàn bào chữa viên nhân dân.

Theo hướng dẫn của Thông tư 691/QLTPK, ở thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng đã có tổ chức luật sư, bào chữa thì củng cố lại về tổ chức, quản lý chặt chẽ hơn. Còn ở các tỉnh khác nếu có đủ điều kiện và được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thì thành lập Đoàn bào chữa viên nhân dân. Người làm công tác bào chữa phải là công dân của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất đạo đức cách mạng tốt; gương mẫu chấp hành đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; có kiến thức pháp lý cần thiết.

Theo quy định Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 thì **người bào chữa** có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo; bào chữa viên nhân dân.

Theo quy định Điều 56 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì người bào chữa có thể là:

- a) Luật sư;
- b) Người đại diện hợp pháp của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo;
- c) Bào chữa viên nhân dân.

Theo quy định Điều 59 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì người bị hại và các đương sự có quyền nhờ luật sư, bào chữa viên nhân dân hoặc người khác được cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án chấp nhận bảo vệ quyền lợi cho mình.

Có quan điểm cho rằng “*chế định bào chữa viên nhân dân là một chế định đặc thù của một giai đoạn lịch sử Cách mạng của nước ta, đặt bên cạnh chế định luật sư, không giống với bất kỳ một chế định tương tự nào của các nước trên thế giới*” [1]. Bài viết không đủ các thông tin về các quốc gia để kết luận đây có phải là mô hình duy nhất của Việt Nam hay không, tuy nhiên, có thể khẳng định mô hình bào chữa này là sự tiến bộ và nhân văn của nền tư pháp chế độ mới, một giải pháp tình thế, sáng tạo của tư pháp hình sự thời chiến và tiếp tục duy trì cho đến ngày hôm nay [2].

Trước khi ban hành Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, có quan điểm cho rằng chế định bào chữa viên “*đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó*” hoặc “*đã đến lúc bãi bỏ bào chữa viên nhân dân*” [3]. Tuy nhiên, tác giả An Ngọc cho rằng: “*Theo tôi, ai cũng có quyền được bị can, bị cáo thuê hay nhờ bào chữa, không nhất thiết chỉ được thuê luật sư. Vấn đề người bào chữa, người bảo vệ cho thân chủ, nếu trình độ hạn chế, không bảo đảm năng lực thì việc bảo vệ, bào chữa cho thân chủ (bị can, bị cáo) chắc chắn sẽ thất bại, nên biết thân chủ có quyền quyết định và sẽ sáng suốt khi nhờ người bào chữa hay*

bảo vệ mình” [4]. Tác giả Minh Khuê cho rằng: “Cái này phải nghiên cứu kỹ lại trước khi bỏ. Tôi giả sử luật chỉ quy định luật sư mới có quyền bào chữa, mà không quy định người thân thích có năng lực và hiểu biết pháp luật được quyền bào chữa có khi ảnh hưởng đến quyền được nhờ người khác bào chữa. Vì bị can, bị cáo không thể thuê luật sư (vì không đủ tiền) mà tự mình không bào chữa được cho mình, nên quyền nhờ người khác bào chữa bị triệt tiêu. Vậy người này có được luật sư bào chữa miễn phí không? Có luật sư công để bào chữa miễn phí không?” [5].

Chế định bào chữa viên vẫn được tiếp tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và có phần cụ thể hơn. Theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bào chữa viên nhân dân có thể tham gia tố tụng hình sự với tư cách là người bào chữa (Điều 72) và là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự (Điều 84).

Về tiêu chuẩn bào chữa viên nhân dân, khoản 3 Điều 72 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định:

Bào chữa viên nhân dân là công dân Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt, có kiến thức pháp lý, đủ sức khỏe bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức thành viên của Mặt trận cử tham gia bào chữa cho người bị buộc tội là thành viên của tổ chức mình.

Đây là quy định mới về tiêu chuẩn bào chữa viên của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2015, điều mà Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 chưa quy định.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có văn bản nào hướng dẫn cụ thể về chế định bào chữa viên nhân dân, mặc dù chế định này được quy định trong ba Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988, 2003 và 2015. Vì vậy, trên thực tế chế định bào chữa viên hầu như chưa được thực hiện.

3. Giải pháp phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong hoạt động bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự

Chế định bào chữa viên nhân dân là thể hiện một trong những hình thức tham gia của các tổ chức xã hội và công dân trong hoạt động tư pháp. Bào chữa viên nhân dân là người bào chữa không chuyên nghiệp, tự nguyện, do dân cử ra, hoặc người bị buộc tội, đương sự yêu cầu. Người bị buộc tội, bị hại, nguyên đơn, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể đề nghị một tổ chức xã hội cử người đại diện của tổ chức đó đứng ra làm người bào chữa hoặc làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Một tổ chức xã hội cũng có thể nhận thấy sự cần thiết và theo sáng kiến của mình mà cử ra một người đại diện tổ chức đó làm người bào chữa cho người bị buộc tội hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là thành viên của tổ chức mình. Ngoài ra, người bị buộc tội, các đương sự còn có thể mời một công dân nào đó mà họ thấy tin tưởng để làm người bào chữa hoặc

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho họ. Trong các trường hợp này phải được các cơ quan tiến hành tố tụng chấp nhận và cho phép tham gia tố tụng.

Hiện nay trên thế giới vẫn có nước quy định ngoài luật sư, những người khác có thể tham gia tố tụng để bào chữa hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự như ở Liên bang Nga. Điều 49 Bộ luật Tố tụng hình sự của Liên bang Nga quy định; “Theo quyết định của Tòa án bên cạnh luật sư thì một trong số những người họ hàng thân thích của người bị buộc tội hoặc người khác theo yêu cầu của người bị buộc tội có thể được chấp nhận là người bào chữa”.

Trong điều kiện của Việt Nam, khi mà số lượng luật sư còn chưa nhiều, chưa đáp ứng một cách đầy đủ yêu cầu tham gia tố tụng hình sự để bào chữa cho người bị buộc tội và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự, đặc biệt là trong trường hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự việc tham gia tố tụng hình sự có tính bắt buộc (chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 của BLTTHS 2015). Hơn nữa, nếu người bào chữa là luật sư mới được tham gia tố tụng, thì người đó phải chịu ràng buộc và thoả mãn rất nhiều điều kiện theo quy định của Luật Luật sư. Trong khi đó có nhiều luật gia có trình độ pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp có đủ khả năng bào chữa cho người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự. Theo quy định của Luật Luật sư những người đã là thẩm

phán, kiểm sát viên, điều tra viên, giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ luật, chuyên viên pháp lý cao cấp, nghiên cứu viên pháp lý cao cấp, giảng viên cao cấp có đủ tiêu chuẩn để trở thành luật sư. Hiện nay số lượng hội viên Hội luật gia các cấp có đủ tiêu chuẩn trở thành luật sư chiếm tỉ lệ không nhỏ. Những người này vì những lý do khác nhau họ không muốn hành nghề luật sư. Mặt khác, hoạt động của bào chữa viên nhân dân là hoạt động mang ý nghĩa chính trị - xã hội, không phải là hoạt động kinh doanh dịch vụ như hoạt động hành nghề luật sư. Vì vậy, nhiều luật gia sẵn sàng tham gia những hoạt động mang tính xã hội, tự nguyện, phục vụ, cống hiến như làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và làm bào chữa viên nhân dân.

Quy chế luật sư, tiêu chuẩn hoá luật sư cần có nhiều đổi mới nhằm tuyển lựa được một đội ngũ luật sư đích thực, có trình độ pháp lý và kinh nghiệm nghề nghiệp để thực hiện tốt hơn việc bào chữa cho người bị buộc tội hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Đáp ứng được yêu cầu trên, không những nâng cao chất lượng bào chữa, mà còn nâng cao được chất lượng công tác xét xử. Song, trong điều kiện Việt Nam hiện nay, khi mà các quan hệ xã hội vẫn tiếp tục nảy sinh đa dạng, phức tạp, yêu cầu bào chữa cho người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự vẫn còn cao, thì việc hoàn thiện chế độ bào chữa viên nhân dân trong pháp luật tố tụng là cần thiết.

Hội Luật gia Việt Nam là một trong các thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức thống nhất, tự nguyện của các luật gia trong cả nước. Hội luật gia Việt Nam có đội ngũ đông đảo các luật gia có đủ điều kiện làm bào chữa viên nhân dân. Trong số các hội viên Hội luật gia Việt Nam có rất nhiều người đã là thẩm phán, kiểm sát viên, điều tra viên..., đặc biệt một đội ngũ đông đảo hội viên là giảng viên ở các cơ sở đào tạo luật, trong số những người này có nhiều người đã từng là luật sư, nhưng do quy định của Luật Luật sư không cho phép họ kiêm nhiệm hành nghề luật sư. Vì vậy, việc huy động và sử dụng nguồn nhân lực của hội viên Hội luật gia Việt Nam tham gia công tác bào chữa, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ án là cần thiết trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam. Điều đó cũng phù hợp với một trong các nhiệm vụ của Hội luật gia Việt Nam là tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở, tư vấn giải quyết khiếu nại, giải quyết tranh chấp pháp lý ngoài cơ chế nhà nước theo quy định của pháp luật (điểm 5 Điều 5 của Điều lệ Hội luật gia Việt Nam).

Chế định bào chữa viên vẫn tiếp tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, nhưng cũng chỉ là những quy định chung, mang tính nguyên tắc. Để những quy định này đi vào thực tiễn cần có văn bản hướng dẫn về chế định này. Vì vậy, cần sớm xây dựng Quy chế bào chữa viên nhân dân, trong đó quy định cụ thể tiêu chuẩn, thủ tục công nhận bào chữa viên nhân dân, quyền và nghĩa vụ bào chữa viên nhân dân, thủ tục chỉ định hoặc mời bào chữa viên nhân dân, quản lý và các điều kiện bảo đảm hoạt động của bào chữa viên nhân dân...

Để triển khai thi hành chế định bào chữa viên nhân dân trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giao cho Hội luật gia Việt Nam xây dựng Quy chế bào chữa viên nhân dân và tổ chức thực hiện. Quy chế Bào chữa viên nhân dân do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành. Ngoài ra, đề nghị sửa đổi, bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính theo hướng quy định bào chữa viên nhân dân được tham gia tố tụng dân sự, tố tụng hành chính để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự như quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1] Phan Trung Hoài, *Chế định bào chữa viên nhân dân – nhìn từ lịch sử và hiện tại*, <http://www.hcmcbar.org/NewsDetail.aspx?CatPK=2&NewsPK=181>.
- [2] Kỷ yếu Hội thảo “*Đổi mới tổ chức và hoạt động các cơ quan tư pháp hình sự Việt Nam từ năm 2002 đến nay và những vấn đề tiếp đặt ra*”, Hà Nội, 15/10/2021.

- [3] Luật sư Nguyễn Hồng Hà, *Đã đến lúc bãi bỏ bào chữa viên nhân dân*,
<https://plo.vn/plo/da-den-luc-bo-bao-chua-vien-nhan-dan-78442.html>
- [4] AN NGOC (ANNGOC...@YAHOO.COM.VN)
- [5] MINH KHUÊ (MD...@YAHOO.COM).